Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), còn được biết đến với tên gọi Tây Nam Bộ hay miền Tây, là một vùng đất cực nam của Việt Nam, được ví như vựa lúa, vựa trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước. Vùng này không chỉ có vị trí địa lý chiến lược và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội mà còn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong nhiều lĩnh vực khác của đất nước, bao gồm văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

1. Vị trí địa lý và Điều kiện tự nhiên

**a. Địa hình và Thủy văn** ĐBSCL là một đồng bằng châu thổ rộng lớn và màu mỡ, được bồi đắp bởi hạ lưu sông Mekong cùng hệ thống sông Tiền, sông Hậu và 9 nhánh sông nhỏ đổ ra Biển Đông. Mạng lưới sông ngòi, kênh, rạch ở đây chằng chịt, dày đặc với tổng chiều dài khoảng 26.550km sông tự nhiên, trong đó có hơn 5.000km cho phép các phương tiện thủy trọng tải trên 100 tấn hoạt động dễ dàng, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông thủy.

Vùng đồng bằng này có độ cao trung bình không quá 2m so với mực nước biển. Lượng nước sông Mekong đổ về trung bình khoảng bốn nghìn tỷ mét khối mỗi năm, mang theo hàng trăm triệu tấn phù sa bồi đắp cho vùng đất. Tuy nhiên, lượng phù sa đã giảm đáng kể do việc xây dựng các đập thủy điện và đê bao ở thượng nguồn, từ 143 triệu tấn phù sa mỗi năm chỉ 15 năm trước xuống còn 75 triệu tấn vào năm 2015.

ĐBSCL được chia thành ba tiểu vùng chính:

• **Vùng cao ở phía tây**: Gồm các tỉnh đầu nguồn như Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, và phần phía tây của Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, cùng một phần phía đông Kiên Giang. Khu vực này thường xuyên bị ngập lụt vào mùa mưa do nước sông Cửu Long dâng cao.

• **Vùng thấp ở duyên hải phía đông**: Bao gồm các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, cùng phần phía đông của Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang và các khu vực ven biển Kiên Giang. Đây là vùng thường bị xâm nhập mặn vào mùa khô.

• **Vùng giữa hai sông Hậu và sông Tiền**: Là đồng bằng màu mỡ và bằng phẳng, nơi tập trung nhiều vườn cây ăn trái và các hoạt động nông nghiệp.

**b. Khí hậu** ĐBSCL có **khí hậu nhiệt đới gió mùa**, nóng ẩm quanh năm, với hai mùa rõ rệt:

• **Mùa mưa**: Kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10. Trong mùa mưa, vùng thường xuyên có mưa dông với cường độ lớn nhưng thời gian ngắn và phạm vi ảnh hưởng không rộng. Đặc biệt, mưa lớn kéo dài và trên diện rộng thường xảy ra nhất vào tháng 9, kết hợp với yếu tố địa hình thấp có thể dẫn đến ngập lụt nghiêm trọng.

• **Mùa khô**: Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Trong thời kỳ này, vùng phải đối mặt với hạn hán và thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt.

Vùng nhận được lượng nắng dồi dào, trung bình 2.200 – 2.500 giờ nắng/năm, với năng lượng bức xạ mặt trời trung bình ngày từ 4,3 – 4,9 kWh/m2. Điều này cho thấy tiềm năng lớn trong phát triển điện mặt trời, đặc biệt ở các tỉnh như An Giang và Bạc Liêu. Ngoài ra, vùng còn có tiềm năng khai thác năng lượng gió ven biển và năng lượng thủy triều.

**c. Tài nguyên thiên nhiên**

• **Nông nghiệp**: ĐBSCL là **vựa lúa lớn nhất cả nước**, cung cấp hơn 50% sản lượng lúa và 70% các loại trái cây của cả nước. Vùng thượng tập trung trồng lúa, rau màu và nuôi trồng thủy sản nước ngọt; vùng giữa phát triển cây ăn quả; vùng ven biển thâm canh tôm - lúa và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

• **Thủy sản**: Nguồn lợi thủy sản tại ĐBSCL vô cùng dồi dào, phong phú và đa dạng. Vùng chiếm 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản và 54% tổng sản lượng thủy sản của cả nước. Nguồn lợi này được chia thành thủy sản nước ngọt và nước lợ - mặn. Các loài cá nước ngọt bao gồm nhóm "cá trắng" (di cư xa, sống ở kênh rạch nước chảy) và "cá đen" (không di cư xa, chịu được môi trường khắc nghiệt như nước phèn, oxy thấp). Khu hệ cá cửa sông có 155 loài, chủ yếu có nguồn gốc biển và chịu được biên độ mặn rộng. Các tỉnh như Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang và An Giang là những nơi có sản lượng thủy sản lớn nhất.

• **Rừng**: ĐBSCL sở hữu hệ thống rừng ngập mặn ven biển lớn nhất Việt Nam (ví dụ: rừng đước Cà Mau, Năm Căn) và các cánh rừng tràm rộng lớn (U Minh Thượng, U Minh Hạ, Tràm Chim, Trà Sư), đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái.

• **Khoáng sản**: Vùng không giàu khoáng sản, chủ yếu có than bùn, đá vôi và vật liệu xây dựng như sét gạch ngói, cát sỏi.

2. Dân cư và Xã hội

**a. Dân số và Lực lượng lao động** Tính đến năm 2017, tổng dân số ĐBSCL là 17.660,7 nghìn người, chiếm 19,05% tổng dân số cả nước. Trong đó, 59,56% dân số là lực lượng lao động, với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 60,8%. Quy mô lực lượng lao động của vùng luôn chiếm trên 50% tổng dân số. Giai đoạn 10 và 20 năm sau Đổi mới, lực lượng lao động có sự gia tăng, nhưng có xu hướng giảm nhẹ ở thời điểm 30 năm sau Đổi mới. Tuy nhiên, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động vẫn có xu hướng tăng lên theo từng giai đoạn (từ 63,13% năm 1995 lên 75,9% năm 2015), do sự hình thành các đô thị lớn và khu công nghiệp tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lao động nhàn rỗi từ nông thôn.

**b. Các dân tộc** ĐBSCL là địa bàn sinh sống của cộng đồng các dân tộc **Việt (Kinh), Khơ Me, Hoa, Chăm**, với những nét văn hóa đặc thù và nền văn minh sông nước độc đáo.

**c. Mức sống và chất lượng nguồn nhân lực** Mặc dù có nhiều tài nguyên thiên nhiên dồi dào, mức sống của người dân ĐBSCL vẫn còn thấp. Thu nhập bình quân đầu người của vùng năm 2016 là 2.798.000 đồng/người/tháng, thấp hơn mức trung bình cả nước (3.049.000 đồng/người/tháng). Tỷ lệ hộ nghèo là 8,6%, cao thứ tư cả nước. Chất lượng nguồn nhân lực của vùng vẫn là **thấp nhất cả nước**, với tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ 12% vào năm 2017. Vùng đối mặt với tình trạng "vừa thừa lại vừa thiếu" lao động: thừa lao động không kỹ năng nhưng thiếu lao động đã qua đào tạo. Tỷ lệ người lao động có việc làm thấp (64% năm 2017 so với 70,1% cả nước). Tỷ lệ thất nghiệp của vùng cao nhất cả nước (2,89% năm 2017 so với 2,3% cả nước, và 2,92% vào quý III/2017). Tỷ lệ thiếu việc làm cũng đứng đầu cả nước (3,23%). Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực bao gồm tỷ lệ đói nghèo cao, chất lượng sống thấp, ý thức nâng cao trình độ học vấn còn hạn chế, hiệu quả giáo dục các cấp thấp, chất lượng lao động qua đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu thị trường và cơ cấu ngành nghề thiếu hợp lý, cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm.

3. Kinh tế

**a. Cơ cấu kinh tế và Chuyển dịch lao động** ĐBSCL là vùng sản xuất và xuất khẩu lương thực, thực phẩm, thủy hải sản và trái cây lớn nhất cả nước. Cơ cấu lao động của vùng có sự chuyển dịch theo chiều hướng giảm tỷ trọng trong nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp, và tăng tỷ trọng trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp, xây dựng. Cụ thể, trong giai đoạn 10 năm sau Đổi mới, khoảng 70% lực lượng lao động tham gia nông nghiệp; đến 30 năm sau Đổi mới, tỷ lệ này giảm xuống 49,3%, trong khi công nghiệp, xây dựng tăng lên 18,6% và dịch vụ tăng lên 32,1%.

**b. Công nghiệp và Dịch vụ** Ngành công nghiệp của vùng còn phát triển ở mức thấp, chủ yếu là chế biến lương thực. Cần Thơ là trung tâm công nghiệp của vùng, bao gồm các ngành nhiệt điện, chế biến lương thực, luyện kim đen, cơ khí, hóa chất, dệt may và vật liệu xây dựng. Khu vực dịch vụ bao gồm các ngành chủ yếu: xuất nhập khẩu (xuất khẩu gạo chiếm 80% cả nước), vận tải thủy và du lịch.

4. Văn hóa

ĐBSCL là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, với nền văn minh sông nước độc đáo.

• **Văn hóa sông nước**: Nếp sống, đi lại, giao thương, đời sống tâm linh của người dân đều gắn liền với sông nước. Phương tiện giao thông chủ yếu là xuồng, ghe. Các điểm quần cư nông thôn gắn liền với hệ thống kênh rạch, tạo nên sự gắn kết tình làng nghĩa xóm.

• **Chợ nổi**: Là một nét văn hóa độc đáo, nơi buôn bán, giao thương hàng hóa trên sông, thường được giới thiệu bằng cách "bẹo" hàng hóa lên sào dài để khách từ xa có thể nhìn thấy. Các chợ nổi nổi tiếng như Cái Răng, Cái Bè, Ngã Bảy, Ngã Năm, Trà Ôn.

• **Sản vật và tính cách hào sảng**: Sông nước ưu đãi cho người dân vô số sản vật, tạo nên tính cách hào sảng, chân tình của họ. Cuộc sống của người dân nơi đây phụ thuộc vào nguồn sống trời ban.

• **Nghệ thuật**: ĐBSCL là cái nôi của nghệ thuật đờn ca tài tử và sân khấu cải lương. Những câu hò, điệu hát gắn liền với cuộc sống sông nước, thể hiện tâm tư, tình cảm của người lao động.

• **Tín ngưỡng**: Dân cư đa tôn giáo, tín ngưỡng (Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương...), với nhiều lễ hội dân gian truyền thống như Lễ hội Ok-Om-Bok, Lễ hội Bà Chúa Xứ. Niềm tin vào sức mạnh và sự ban tặng của sông nước thể hiện rõ trong đời sống tinh thần, coi sông nước là khởi thủy của sự sống và đôi khi được suy tôn như "bà".

5. Thách thức và Giải pháp

**a. Thách thức lớn** ĐBSCL đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, môi trường do biến đổi khí hậu và tác động của con người.

• **Biến đổi khí hậu**: Mực nước biển dâng, sụt lún đất do khai thác nước ngầm quá mức, xâm nhập mặn, hạn hán kéo dài, lũ lụt tăng cường độ và diện tích. Năm 2016, vùng này hứng chịu đợt hạn hán và xâm nhập mặn nặng nề nhất trong vòng 100 năm, gây thiệt hại lớn cho sản xuất lúa và thu nhập của hàng trăm nghìn hộ gia đình.

• **Tác động từ thượng nguồn**: Việc xây dựng đập thủy điện và nạn phá rừng ở thượng nguồn sông Mekong làm giảm đáng kể lượng phù sa về ĐBSCL, ảnh hưởng đến độ phì nhiêu của đất, hình thái sông ngòi và năng suất sinh học của vùng biển. Các hồ chứa nước trên dòng chính sông Mekong cũng điều tiết lưu lượng dòng chảy, gây ra những biến động bất thường.

• **Ô nhiễm môi trường**: Các hoạt động sản xuất nông nghiệp thâm canh, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tạo ra lượng lớn chất thải chưa được xử lý triệt để, gây ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái. Việc sử dụng thuốc trừ sâu gây hại lớn đến nguồn lợi thủy sản và cả con người.

• **Suy giảm nguồn lợi thủy sản**: Khai thác quá mức, sử dụng ngư cụ hủy diệt (kích điện, mắt lưới nhỏ), bao đê ngăn lũ làm cản trở di cư của cá, phá hoại bãi đẻ và nơi cư trú. Các loài thủy sản ngoại lai xâm hại (như cá hoàng đế) cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học. Nhiều loài cá quý hiếm đang có nguy cơ cạn kiệt hoặc sắp bị đe dọa.

**b. Giải pháp và Định hướng phát triển** Để giải quyết các thách thức và thúc đẩy phát triển bền vững, nhiều giải pháp đã được đề xuất và triển khai:

• **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**: Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống giáo dục, ban hành chính sách thúc đẩy đào tạo, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao (ví dụ Quyết định số 1033/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Cần gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, đa dạng hóa loại hình đào tạo và nâng cao ý thức tự vươn lên của người dân.

• **Nâng cao chất lượng cuộc sống**: Phát triển kinh tế - xã hội để tạo việc làm, nâng cao mức sống cho người dân, từ đó tạo điều kiện và động lực để họ đầu tư vào giáo dục, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai.

• **Phát triển kinh tế - xã hội bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu**: Xây dựng hệ thống đô thị theo hướng đô thị sinh thái, nén, thích ứng biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng giao thông, điện, nước và đa dạng hóa sản phẩm bất động sản để thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế và đô thị hóa bền vững.

• **Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**:

◦ **Bảo vệ nguồn lợi thủy sản**: Tăng cường kiểm tra, giám sát, thực thi pháp luật để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Cấm các ngư cụ khai thác hủy diệt (kích điện, dớn) và quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác cá con trong mùa sinh sản (tháng 5-9, tập trung tháng 6-7).

◦ **Bảo tồn đa dạng sinh học**: Xây dựng các khu bảo tồn đa dạng sinh học thủy sản, bảo vệ bãi cá đẻ và nơi cư trú tự nhiên như Đồng Tháp Mười, Vườn Quốc gia Tràm Chim, U Minh Thượng, rừng tràm Trà Sư, Búng Bình Thiên và các vực sâu.

◦ **Tái tạo nguồn lợi**: Tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên bằng cách thả giống các loài bản địa có giá trị kinh tế (cá mè vinh, cá ét mọi, cá tra, cá basa, cá lăng, cá thát lát, tôm càng xanh) vào các thủy vực an toàn, có sự tham gia của cộng đồng.

◦ **Kiểm soát ô nhiễm**: Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ sinh học xử lý chất thải, và xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường.

• **Huy động vốn**: Tận dụng hiệu quả nguồn vốn nhà nước, đồng thời huy động vốn từ các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp thông qua cam kết trách nhiệm xã hội và đầu tư vào hệ thống đào tạo tại doanh nghiệp.

• **Phát triển du lịch cộng đồng**: Khảo sát tiềm năng, xây dựng sản phẩm đặc thù mang tính vùng miền, tăng cường quảng bá (qua hình ảnh, sách báo, lễ hội sông nước), đầu tư hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất (homestay, khu nghỉ dưỡng). Cần có sự liên kết giữa các địa phương và sự tham gia của cộng đồng để phát triển bền vững, biến nông nghiệp thuần túy thành du lịch nông nghiệp. Các mô hình thành công như DLCĐ Cồn Sơn (Cần Thơ), Làng hoa Sa Đéc (Đồng Tháp), các điểm DLCĐ ở Đất Mũi Cà Mau là những ví dụ điển hình.

• **Nghiên cứu khoa học và công nghệ**: Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản về sức tải môi trường, ứng dụng công nghệ sinh học, và đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn để hỗ trợ quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản.